

Số: /QĐ-UBND

Ninh Bình, ngày tháng 02 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố mở luồng đường thủy nội địa địa phương
các tuyến sông Vân, sông Lồng trên địa bàn tỉnh Ninh Bình

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa
ngày 17 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2021 của
Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Đơn đề nghị số
215/ĐĐN-SGTVT ngày 09 tháng 02 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố mở luồng đường thủy nội địa địa phương các tuyến sông
Vân, sông Lồng trên địa bàn tỉnh Ninh Bình với các nội dung sau:

I. Luồng đường thủy nội địa Sông Vân

1. Chiều dài luồng: 6,937 km;

2. Điểm khởi đầu, điểm kết thúc luồng:

- Điểm khởi đầu giao với sông Đáy tại phường Thanh Bình, thành phố
Ninh Bình;

- Điểm kết thúc giao với sông Vạc tại cầu Yên, phường Ninh Phong,
thành phố Ninh Bình.

- Tọa độ tìm luồng như sau:

TT	Tên điểm	Hệ tọa độ VN-2000		Hệ tọa độ WGS84	
		X (m)	Y (m)	Độ Vĩ	Độ Kinh
1	T1 (điểm khởi đầu)	2241674,34	602424,34	20°15'46.90''	105°58'56.41''
2	T58 (điểm kết thúc)	2235832,07	600614,20	20°12'37.28''	105°57'52.87''

3. Cấp kỹ thuật của luồng đường thủy nội địa: cấp V, cụ thể:

a) *Bề rộng luồng*: 13m đến 22m;

b) *Chiều sâu nhỏ nhất*: 1,25m;

c) *Bán kính cong*: $R_{\min}=200\text{m}$; $R_{\max}=800\text{m}$;

4. Công trình hiện có trên luồng

a) *Công trình cắt ngang qua luồng*

TT	Tên cầu	Lý trình	Khẩu độ khoang thông thuyền (m)	Chiều cao tĩnh không(m)	Ghi chú
1	Cầu Âu Vân	Km0+468	8,6	3,73	Đạt yêu cầu
2	Đường dây điện 220V	Km0+566		4,23	Hạn chế tĩnh không
3	Cầu Vân Giang	Km0+590	12,2	2,83	Hạn chế tĩnh không
4	Đường dây điện 220V	Km0+832		4,53	Hạn chế tĩnh không
5	Cầu Chà Là	Km0+982	17,2	2,43	Hạn chế tĩnh không
6	Đường dây điện 220V	Km1+604		5,03	Hạn chế tĩnh không
7	Cầu Lim	Km1+620	13,8	3,33	Hạn chế tĩnh không
8	Cầu đi bộ	Km2+385	34,3	3,53	Đạt yêu cầu
9	Đường dây điện 35kV	Km3+098		7,03	Đạt yêu cầu
10	Đường dây điện 35kV	Km3+273		6,33	Hạn chế tĩnh không
11	Đường dây điện 220V	Km4+085		4,63	Hạn chế tĩnh không
12	Cầu Vũng Trám	Km4+326	19,4	3,13	Hạn chế tĩnh không
13	Đường dây điện 220V	Km4+343		4,73	Hạn chế tĩnh không

TT	Tên cầu	Lý trình	Khẩu độ khoang thông thuyền (m)	Chiều cao tĩnh không(m)	Ghi chú
14	Cầu dân sinh (bể bơi Tháng 8)	Km5+570	34,5	4,03	Đạt yêu cầu
15	Đường dây điện 220V	Km5+641		5,23	Hạn chế tĩnh không
16	Đường dây điện 35kV	Km6+041		7,03	Đạt yêu cầu
17	Cầu Ba Vuông	Km6+077	30,3	3,63	Đạt yêu cầu
18	Đường dây điện 35kV	Km6+170		7,23	Đạt yêu cầu

b) Âu thuyền trên luồng

TT	Tên Âu	Lý trình	Chiều dài	Chiều rộng	Chiều sâu	Ghi chú
1	Âu Vân	Km0+468	120,6	9,1	2,14	

5. Loại luồng: Luồng đường thủy nội địa địa phương;

6. Thời gian bắt đầu thực hiện khai thác trên luồng đường thủy nội địa: Ngày 01/4/2023.

II. Luồng đường thủy nội địa sông Lòng

1. Chiều dài luồng: 7,73km.

2. Điểm khởi đầu, điểm kết thúc luồng:

- Điểm khởi đầu giao với sông Yên Mô tại xã Yên Từ, huyện Yên Mô;
- Điểm kết thúc tại thị trấn Yên Thịnh, huyện Yên Mô;
- Tọa độ tìm luồng như sau:

TT	Tên điểm	Hệ tọa độ VN-2000		Hệ tọa độ WGS84	
		X (m)	Y (m)	Độ Vĩ	Độ Kinh
1	T1 (điểm khởi đầu)	2226690,82	608017,73	20°07'38.59"	106°02'05.93"
2	T87 (điểm kết thúc)	2231501,40	603064,85	20°10'15.99"	105°59'16.40"

3. Cấp kỹ thuật của luồng đường thủy nội địa: Cấp VI, cụ thể:

a) *Bề rộng luồng:* 13m;

b) *Chiều sâu nhỏ nhất:* 0,55m;

c) Bán kính cong: $R_{\min}=65\text{m}$; $R_{\max}=300\text{m}$;

4. Công trình hiện có trên luồng

TT	Tên cầu	Lý trình	Khẩu độ khoang thông thuyền (m)	Chiều cao tĩnh không (m)	Ghi chú
1	Cầu Nuón (mới)	Km0+540	9,7	3,75	Đạt yêu cầu
2	Cầu Nuón (cũ)	Km0+554	9,7	1,85	Hạn chế tĩnh không
3	Đường dây điện 220V dân sinh	Km0+560		0,75	Hạn chế tĩnh không
4	Đường dây điện 220V dân sinh	Km0+642		0,55	Hạn chế tĩnh không
5	Đường dây điện 220V dân sinh	Km0+747		0,45	Hạn chế tĩnh không
6	Cầu Phước Long	Km1+400	27,2	4,75	Đạt yêu cầu
7	Đường dây điện 220V	Km1+516		4,35	Hạn chế tĩnh không
8	Đường dây điện 220V dân sinh	Km1+774		1,35	Hạn chế tĩnh không
9	Cầu Lồng	Km1+790	10,2	2,25	Hạn chế tĩnh không
10	Đường dây điện 35kV	Km1+924		6,85	Hạn chế tĩnh không
11	Cầu Yên Hưng	Km3+162	16,2	2,85	Đạt yêu cầu
12	Đường dây điện 220V	Km3+177		3,65	Hạn chế tĩnh không
13	Đường dây điện 35kV	Km4+266		7,05	Đạt yêu cầu
14	Cầu Chợ Chóp	Km4+271	23,6	3,25	Đạt yêu cầu
15	Đường dây điện 220V dân sinh	Km5+456		3,05	Hạn chế tĩnh không
16	Đường dây điện 220V dân sinh	Km5+580		0,75	Hạn chế tĩnh không
17	Đường dây điện 220V dân sinh	Km5+640		2,25	Hạn chế tĩnh không
18	Cầu Lạc Hiền	Km5+658	14,5	1,65	Hạn chế tĩnh không

5. Loại luồng: Luồng đường thủy nội địa địa phương.

6. Thời gian bắt đầu thực hiện khai thác trên luồng đường thủy nội địa: Ngày 01/4/2023.

III. Nội dung khác

- Giao Sở Giao thông Vận tải thực hiện quản lý, bảo trì luồng đường thủy nội địa các tuyến sông Vân và sông Lồng theo quy định, đảm bảo an toàn giao thông đường thủy nội địa;

- Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi tỉnh Ninh Bình phối hợp với Sở Giao thông Vận tải xây dựng phương án vận hành Âu Vân đảm bảo hoạt động giao thông đường thủy nội địa trên tuyến sông Vân được thông suốt, an toàn.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Giao thông Vận tải, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
 - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
 - Lưu VT, VP4,3.
- vmh_vp4_16.QĐ

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Cao Sơn